

# PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI

NGUYỄN THỊ THẾ BÌNH - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH\*

Ngày nhận bài: 04/05/2016; ngày sửa chữa: 27/05/2016; ngày duyệt đăng: 30/05/2016.

**Abstract:** Developing competency of teaching for students is the a key task of Faculty of History, Hanoi National University of Education, contributing to training history teachers with intensive knowledge and good professional competence. To realise this goal, the article proposes solutions to develop competency of teaching for students of history major to meet the requirements of fundamental and comprehensive reform of education.

**Keyword:** Teaching competencies, students of Faculty of History, Hanoi National University of Education.

**N**ghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) khẳng định: “*Phát triển GD-ĐT là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực (NL) và phẩm chất người học*” [1]. Đó là định hướng để các cơ sở đào tạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình, theo đó, phát triển năng lực dạy học (NLDH) cho sinh viên (SV) ngành Sư phạm Lịch sử (LS) là nhiệm vụ trọng tâm của Khoa LS Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Hà Nội, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo đội ngũ giáo viên lịch sử (GVLS) có trình độ kiến thức chuyên môn sâu, rộng, có nghiệp vụ sư phạm (NVSP) vững vàng, có phẩm chất, đạo đức tốt, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT.

## 1. Năng lực và năng lực dạy học của GVLS

NL là “*khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó; là phẩm chất tâm sinh lí và trình độ chuyên môn tạo cho con người có khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao*” [2; tr 1020].

NL chung “là NL cơ bản, thiết yếu mà bất kì người nào cũng cần để sống và làm việc” [3; tr 5]. Đó là các NL: tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp; hợp tác; tính toán; sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; thẩm mĩ, thể chất.

NL riêng của môn học là “*NL được hình thành bởi ưu thế của môn học. Nó liên quan chặt chẽ tới đặc điểm của môn học*” [3; tr 5]. Căn cứ vào NL chung, trong quá trình dạy học (QTDH), tùy thuộc vào đặc trưng của môn học cần hình thành cho học

sinh (HS) hệ thống NL riêng. Theo chúng tôi, để xác định *NL riêng của bộ môn LS* cần căn cứ vào NL chung, đặc trưng của môn học, đặc điểm của kiến thức LS, quá trình nhận thức của HS và chuẩn đầu ra của môn học. Từ đó, hệ thống NL riêng của bộ môn LS cần hình thành và phát triển cho HS ở trường phổ thông gồm: NL thu thập và xử lí thông tin về LS; NL tái hiện quá khứ LS; NL xác định mối liên hệ của LS; NL đánh giá sự kiện, nhân vật theo quan điểm LS; NL thực hành và vận dụng kiến thức LS; NL trình bày kiến thức LS.

*NLDH của GVLS*: căn cứ vào NL chung, NL học tập bộ môn LS cần hình thành và phát triển cho HS, đối chiếu với chuẩn đầu ra môn học. Theo chúng tôi, NLDH của GVLS gồm hai NL cốt lõi:

- *NL chuẩn bị bài học LS*. Đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, quyết định sự thành bại của việc dạy học (DH) trên lớp của giáo viên (GV). Trong quá trình chuẩn bị bài học, GV phải thành thực một số kĩ năng (KN) cơ bản như, KN lập kế hoạch DH, KN thiết kế bài giảng (soạn giáo án), KN tìm hiểu đối tượng nhận thức... Trong đó, trọng tâm là KN thiết kế giáo án theo định hướng đổi mới NL HS. Để thiết kế giáo án đạt chuẩn, đòi hỏi GV phải có KN nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa (SGK); KN xác định mục tiêu bài học; KN lập dàn ý, bố cục bài giảng; KN xác định nội dung kiến thức cơ bản phù hợp với đối tượng nhận thức; KN chọn lọc và sử dụng hệ thống phương pháp, phương tiện, kĩ thuật và hình thức tổ chức DH; KN khai thác và sử dụng tư liệu DH, KN xây dựng, sử dụng đồ dùng trực quan và ứng dụng công nghệ thông

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

tin, sử dụng hồ sơ DH... Đồng thời, vận dụng cấu trúc bài học linh hoạt phù hợp với khả năng nhận thức của HS.

- *NL tổ chức HS học tập bộ môn LS.* Đây là nhiệm vụ trọng tâm của GV trong QTDH, biểu hiện của NL tổ chức HS học tập bộ môn LS cho HS gồm:

+ *NL cung cấp và truyền thụ kiến thức LS:* đặc điểm nổi bật của kiến thức LS là tính quá khứ, tính không lặp lại, tính gián tiếp. Vì thế, trong quá trình DHLS ở trường phổ thông, GV phải biết tái hiện quá khứ LS chân thực, sinh động, thông qua việc sử dụng các phương pháp dạy học (PPDH) phù hợp như thuyết trình, miêu tả, tường thuật, kể chuyện, nêu đặc điểm kết hợp với sử dụng SGK, tài liệu tham khảo, đồ dùng trực quan, trao đổi đàm thoại. Từ đó, giúp HS tìm ra mối liên hệ bản chất, đánh giá các sự kiện LS bằng phương pháp giải thích, so sánh, vận dụng, liên hệ với thực tiễn cuộc sống. Theo đó, NL cung cấp và truyền thụ kiến thức LS cho HS giữ vai trò quan trọng đối với GV trong QTDHLS.

+ *NL tổ chức, điều khiển, hướng dẫn hoạt động nhận thức của HS.* Đây là nhiệm vụ quan trọng nhất của GV trong QTDH. GVLS không chỉ là người trang bị kiến thức cho HS, mà quan trọng hơn là người dạy cho HS cách học chủ động, sáng tạo; dạy HS cách “tìm ra chân lí”. Theo đó, GV là người tổ chức, hướng dẫn, điều khiển, trọng tài, chuyên gia, bạn đồng hành của HS trong quá trình học tập. Muốn vậy, GV phải có KN sử dụng đa dạng, linh hoạt các PPDH theo hướng phát huy tính tích cực của HS như: DH nêu vấn đề, DH theo dự án, DH theo chủ đề, DH liên môn; tổ chức hoạt động nhóm, trao đổi, thảo luận, tranh luận, kể chuyện LS, đóng vai, hướng dẫn HS tự học trên lớp và ở nhà; biết vận dụng hợp lí một số kĩ thuật DH tích cực vào DH như kĩ thuật khăn trải bàn; kĩ thuật 3-2-1; kĩ thuật DH theo góc... Đồng thời, cần kết hợp đa dạng các hình thức DH trong giờ nội khóa (trên lớp, tại thực địa, nhà bảo tàng, di tích LS) và hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo.

+ *NL kiểm tra, đánh giá hoạt động nhận thức của HS.* Đây là nhiệm vụ quan trọng không thể thiếu trong QTDH. GV không chỉ có nhận thức đúng về đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá, mà quan trọng hơn phải có các KN đánh giá cơ bản trên cơ sở xác định tiêu chí đánh giá chuẩn và bộ công cụ đánh giá phù hợp với đối tượng nhận thức. Đồng thời, phải đa dạng các loại hình đánh giá, kết hợp đánh giá quá trình với đánh giá kết quả của HS, đánh giá trên quan điểm vì sự tiến bộ và phát triển của HS.

Ngoài những NL cốt lõi trên, GV cần có những NL khác như: NL phát triển chương trình nhà trường, chương trình môn học và tài liệu giáo khoa LS; NL sử dụng ngôn ngữ trong diễn đạt, trình bày các vấn đề LS; NL ứng dụng công nghệ thông tin; NL tổ chức quản lí lớp học; NL thích ứng với môi trường DH khác nhau...

## **2. Thực tiễn hoạt động đào tạo NLDH cho SV Khoa LL Trường ĐHSP Hà Nội**

*Ưu điểm:* Khoa LS Trường ĐHSP Hà Nội luôn chủ động đề ra những giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo SV: kịp thời điều chỉnh chương trình đào tạo, bổ sung và viết mới giáo trình theo hướng tiếp cận NL người học; khuyến khích giảng viên (GV) tích cực thực hiện đổi mới nội dung, hình thức, PPDH và kiểm tra, đánh giá SV; nhiều giảng viên đã sử dụng các thiết bị DH và ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, tạo nên nhiều giờ học thú vị, gây hứng thú cho SV. Hàng năm, Khoa tổ chức Hội nghị SV nghiên cứu khoa học, là sân chơi bổ ích cho SV trong quá trình tích lũy kiến thức sâu, rộng. Đồng thời, tăng cường hoạt động thực hành nghề cho SV, làm tốt công tác kiến tập, thực tập sư phạm và đa dạng hóa hoạt động tuần NVSP; duy trì hiệu quả hoạt động của Câu lạc bộ SV rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (RLNVSP), với vai trò “cố vấn” chủ yếu của giảng viên bộ môn Lí luận và PPDH, góp phần quan trọng vào việc rèn luyện và nâng cao NLDH nói riêng, chất lượng đào tạo SV nói chung.

*Hạn chế:* Một số nội dung trong giáo trình chưa kịp thời cập nhật những thành tựu mới của khoa học; một số giờ dạy còn nặng về lí thuyết hàn lâm; một vài giảng viên có quan niệm chưa đúng cho rằng, trách nhiệm RLNVSP cho SV thuộc về giảng viên bộ môn PPDH và giảng viên thực hành, nên chưa chú trọng đúng mức đến việc phối hợp rèn luyện KN nghề nghiệp cho SV. Đối với SV, khi xuống trường phổ thông kiến tập và thực tập sư phạm, nhiều em còn yếu về KN DH (như cách soạn và tổ chức một giờ học theo hướng phát huy tính tích cực của HS; sử dụng hợp lí hệ thống phương pháp và phương tiện DH trong một giờ lên lớp; lúng túng trong việc lựa chọn kiến thức cơ bản; vụng về trong diễn đạt...).

Như vậy, thực tiễn đặt ra yêu cầu bức thiết cần nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo GV nói chung, NLDH cho SV Khoa LS Trường ĐHSP Hà Nội nói riêng.

## **3. Một số giải pháp phát triển NLDH cho SV ngành Sư phạm LS trước yêu cầu đổi mới**

### **3.1. Đổi mới hoạt động đào tạo SV ngành Sư phạm LS:**

3.1.1. *Đổi mới nội dung DH.* Để thực hiện mục tiêu DH chuyển từ “*định hướng nội dung*” (*định hướng đầu vào*) sang định hướng phát triển NL người học (*định hướng kết quả đầu ra*), trong những năm gần đây, Khoa LS tích cực điều chỉnh chương trình đào tạo, thay một số chuyên đề mới, đảm bảo tính hiện đại, cập nhật. Ví dụ, bộ môn *Lí luận và PPDH LS* bổ sung chuyên đề *Lí luận về PPDH môn khoa học xã hội nói chung, PPDH LS nói riêng ở trường phổ thông; Phát triển NL thực hành sự phạm và ứng dụng công nghệ thông tin trong DH LS ở trường phổ thông; Tổ chức DH LS ở trường phổ thông theo hướng tiếp cận NL của HS...*, qua đó không chỉ trang bị cho SV một hệ thống kiến thức mới, mà còn rèn luyện cho các em NL nghề nghiệp khi ra trường, đồng thời, các tổ bộ môn tiếp tục điều chỉnh, bổ sung và viết mới giáo trình để đáp ứng mục tiêu đào tạo và nhu cầu thực tiễn.

3.1.2. *Đổi mới hình thức và PPDH.* Cùng với đổi mới nội dung DH, Khoa LS tăng cường đổi mới và đa dạng hình thức tổ chức DH. Ngoài các tiết học tại giảng đường, chúng tôi tích cực tổ chức cho SV học tập tại bảo tàng, thực địa, di tích LS (như: tổ chức cho SV năm thứ 3, 4 học tập tại Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng Phụ nữ, Bảo tàng Hồ Chí Minh, quần thể di tích Đường Lâm, Văn miếu Quốc Tử Giám...). SV phải chủ động liên hệ và làm việc với bảo tàng, xây dựng kịch bản, đóng vai hướng dẫn viên giới thiệu với du khách về các hiện vật và giá trị của chúng... Qua đó, phát triển NLDH cho SV, đặc biệt là NL tổ chức hoạt động học tập, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.

Trong các giờ lí thuyết trên lớp, giảng viên đã giảm tối đa phương pháp thuyết trình, truyền thụ kiến thức một chiều, chủ yếu hướng dẫn SV cách học, cách tiếp cận tri thức tích cực, chủ động và sáng tạo. Ở đây, giảng viên thường xuyên tổ chức seminar, cho SV thảo luận, tranh luận các vấn đề học tập; tích cực làm mới các PPDH truyền thống, vận dụng hiệu quả các PPDH hiện đại, kết hợp với các phương tiện và kĩ thuật DH tích cực; sử dụng đa dạng, hợp lí các phương pháp và hình thức tổ chức DH. Giảng viên, không chỉ bồi dưỡng cho SV kiến thức về các PPDH mới, mà còn giúp các em luyện tập và vận dụng các PPDH hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng DH trên giảng đường, trực tiếp bồi dưỡng SV các NLDH bộ môn.

3.1.3. *Đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá SV.* Trong những năm gần đây, khoa LS đặc biệt chú trọng đổi mới đánh giá chất lượng học tập của SV. Tiêu chí đánh

giá SV dựa vào chuẩn đầu ra và sự tiến bộ của SV trong quá trình học tập, đặc biệt là khả năng vận dụng kiến thức vào thực hành các KN DH. Như vậy, hình thức thi lí thuyết qua bài viết được giảm bớt, tăng cường thi vấn đáp và thi thực hành trực tiếp trong kiểm tra các chuyên đề học tập của SV.

Từ năm học 2014-2015, SV thi tốt nghiệp chuyên ngành PPDH được đánh giá bằng hình thức thi giảng trực tiếp kết hợp với phỏng vấn và bài tập chuyên đề. Trong đó, điểm thi giảng chiếm 70 % kết quả thi. Qua điều tra ý kiến phản hồi của SV và kết quả thực tế giảng dạy chúng tôi khẳng định, đổi mới hình thức thi tốt nghiệp qua giảng bài là hướng đi đúng đắn, đáp ứng được mục tiêu DH, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của SV, là cơ hội tốt nhất để SV bộc lộ NL thực sự của mình. Qua đó, đánh giá được chính xác NLDH của SV. Bởi vì, để có một giờ dạy tốt, đòi hỏi SV phải tự rèn luyện nghiêm túc, thường xuyên các KNDH như KN chuẩn bị kế hoạch DH, KN tổ chức hoạt động DH, KN kiểm tra, đánh giá. Thông qua giảng dạy trực tiếp, SV biết vận dụng linh hoạt lí thuyết vào những bài học cụ thể, qua đó phát triển NLDH cho bản thân.

3.2. *Phát triển NLDH cho SV LS qua hoạt động RLNVSP.* Rèn luyện nghiệp vụ là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong quá trình đào tạo SV các trường SP nói chung, SV Khoa LS Trường ĐHSP Hà Nội nói riêng. RLNVSP không chỉ trang bị cho SV hệ thống KN nghề nghiệp vững vàng, mà còn giáo dục họ lòng yêu nghề, say mê lao động, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, phát triển NL nghề nghiệp, đặc biệt là NLDH cho SV. Để phát triển NLDH cho SV qua hoạt động RLNVSP, theo chúng tôi cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa việc giảng dạy của giảng viên với rèn luyện của SV và sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận chức năng của nhà trường. Cụ thể:

#### 3.2.1. *Đối với giảng viên:*

- *Trong các giờ học khoa học cơ bản:* Giảng viên thuộc chuyên ngành khoa học cơ bản (LS thể giới; LS Việt Nam), không chỉ có nhiệm vụ trang bị cho SV kiến thức chuyên ngành chuyên sâu, mà còn là người hỗ trợ, rèn luyện cho SV KN NVSP cần thiết và PPDH phù hợp. Đồng thời, phải am tường chương trình ở phổ thông, tạo sự gắn kết giữa kiến thức đại học với kiến thức phổ thông, giúp SV hiểu được mức độ kiến thức và sự cần thiết phải chọn lọc kiến thức cơ bản phù hợp với đối tượng nhận thức ở từng cấp học. Giảng viên phải là tấm gương để SV học tập và noi theo về phong cách nhà giáo, NL chuyên môn và NVSP chuẩn mực để rèn luyện và phát triển NLDH cho SV.

- Trong giờ học bộ môn Lí luận và PPDH LS: giảng viên thuộc chuyên ngành Lí luận và PPDH LS đóng vai trò chủ yếu trong việc hướng dẫn SV RLNVSP. Cùng với việc trang bị cho SV kiến thức lí thuyết về NVSP, chúng tôi tăng cường hướng dẫn SV thực hành. Giảng viên sẵn sàng làm mẫu cho SV làm theo và giúp họ biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong những tình huống cụ thể; đặc biệt chú trọng rèn luyện cho SV những KN DH cơ bản như KN soạn giáo án và tập giảng; KN tổ chức hoạt động DH..., đồng thời, tổ chức, hướng dẫn, uốn nắn kịp thời, giúp SV rèn luyện tốt KN bộ môn, công việc này được tiến hành thường xuyên trong quá trình DH tại lớp, seminar, thực hành (trên giảng đường, ở nhà) và tuần NVSP thường niên, góp phần trực tiếp vào việc phát triển NL nghề nghiệp cho SV.

### 3.2.2. Đối với SV:

- Để có NLDH bộ môn vững vàng, nhân tố quyết định là do quá trình rèn luyện của SV. Do vậy, SV phải nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc rèn luyện nghiệp vụ để xác định động cơ học tập và thái độ rèn luyện đúng đắn. Công việc này không chỉ giới hạn ở một số giờ lên lớp lí thuyết, trong giờ tập giảng, hay các đợt thực tập sư phạm ở trường phổ thông, mà SV phải tự học, tự rèn luyện kiên trì, trong các điều kiện và môi trường khác nhau, trong suốt quá trình học tập ở trường đại học, thậm chí đã trở thành GV ở trường phổ thông.

- Việc rèn luyện và nâng cao KNNVSP của SV được thể hiện rõ nhất trong các đợt thực tập sư phạm ở trường phổ thông. Muốn vậy, SV cần thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch thực tập dưới sự hướng dẫn của GV trường thực tập. Đặc biệt, trong *hoạt động thực tập giảng dạy*, phải có KN soạn giáo án theo định hướng phát triển NL HS; tập giảng nhiều lần để rút kinh nghiệm về nội dung, phương pháp và cách tổ chức giờ học; cần tranh thủ triệt để sự giúp đỡ của GV hướng dẫn, tránh thái độ chủ quan, vội vàng; tích cực dự giờ dạy mẫu của GV và các giờ dạy của bạn, tham gia rút kinh nghiệm để học hỏi lẫn nhau. Sau mỗi giờ dạy, giáo sinh tự rút kinh nghiệm để khắc phục kịp thời, đây là cơ hội tốt nhất để SV được rèn luyện và nâng cao NLDH của mình.

- Ngoài ra, việc RLNVSP cho SV cần được tiến hành thường xuyên hơn thông qua hoạt động dự giờ, thăm lớp ở Trường THCS & THPT Nguyễn Tất Thành và thực hành các KN DH cơ bản tại Trung tâm nghiên cứu và phát triển NVSP của Trường như viết bảng, giao tiếp và thuyết trình; sử dụng thiết bị DH...

### 3.3. Tăng cường liên kết giữa các bộ phận chức năng của nhà trường để làm tốt công tác RLNVSP cho SV:

- Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Viện Nghiên cứu Sư phạm - Trung tâm nghiên cứu và phát triển nghiệp vụ sư phạm - Bộ môn PPDH các Khoa - Trường thực nghiệm Nguyễn Tất Thành - Trường Chuyên Sư phạm - Phòng Đào tạo... để thực hiện tốt hơn nữa công tác RLNVSP cho SV. Viện Nghiên cứu Sư phạm cần đẩy mạnh chuyển giao các sản phẩm nghiên cứu mới vận dụng vào việc giảng dạy trực tiếp cho các khoa, giúp GV và SV tiếp cận với thành tựu khoa học mới. Trung tâm nghiên cứu và phát triển NVSP phối hợp tốt hơn nữa giữa phòng Đào tạo và bộ môn PPDH các khoa về nội dung rèn luyện, tổ chức lớp học, cách thức tiến hành. Các khoa cần phối hợp nhịp nhàng với Trường thực nghiệm Nguyễn Tất Thành và trường Chuyên Sư phạm, tạo điều kiện cho SV dự giờ, rút kinh nghiệm, qua đó tự rèn luyện và nâng cao NL nghề nghiệp cho mình.

- Ở cấp khoa, phối hợp chặt chẽ giữa bộ môn Lí luận và PPDH với Câu lạc bộ SV RLNVSP, Liên Chi đoàn duy trì thường xuyên các hoạt động SV RLNVSP với hình thức phong phú như soạn giáo án, tập giảng, tập viết bảng, vẽ bản đồ, ứng xử sư phạm, xử lí tình huống, kể chuyện LS, KN sống, sân khấu hóa LS; mời GV phổ thông dạy mẫu... để tạo thành nếp sinh hoạt đặc trưng của SV sư phạm ngành LS.

- Đối với Trường ĐHSP Hà Nội, cần tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động này thường xuyên và hiệu quả hơn. Cần tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho các phòng học, phòng nghiệp vụ bộ môn, tạo môi trường thuận lợi cho SV được thực hành hiệu quả nhất. Cần duy trì mối quan hệ thường xuyên giữa Trường ĐHSP Hà Nội với trường phổ thông ở các địa phương, liên kết chặt chẽ giữa giảng viên đại học và GV sở tại trong các đợt thực tập sư phạm, tạo môi trường thuận lợi cho SV thực tập và nâng cao năng lực nghề nghiệp nói chung NLDH nói riêng.

\*\*\*

Tóm lại, phát triển NLDH cho SV là nhiệm vụ chính trị và mục tiêu quan trọng trong chiến lược đào tạo của Khoa LS Trường ĐHSP Hà Nội. Để phát triển NLDH cho SV, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên và SV trong quá trình đào tạo. Trong đó, giảng viên luôn chủ động, sáng tạo trong

(Xem tiếp trang 26)

Kết quả TN:

*Bảng 3. Kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ*

Lĩnh vực phát triển	Trước khi thực hiện IEP			Sau khi thực hiện IEP		
	Điểm	Tuổi phát triển (DA)	Chỉ số phát triển (DQ)	Điểm	DA	DQ
Tư thế - Vận động	79	30	96,7	64	20	76,9
Nhận thức - thích ứng	167	22	71	132	18	69,2
Ngôn ngữ - xã hội	37	18	58	27	13	50
Tổng 3 lĩnh vực	282	22	71	223	18	69,2

- Trường hợp 2: N.Đ.T (31 tháng tuổi) - Trung tâm Hỗ trợ phát triển GD đặc biệt - Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.

KHGDCN của trẻ được xây dựng và thực hiện dựa trên kết quả đánh giá và sự thống nhất giữa gia đình và trung tâm (xem *bảng 4*).

*Bảng 4. KHGDCN từ 1/2014 - 5/2014*

TT	Lĩnh vực	Mục tiêu dài hạn
1	Kĩ năng xã hội	+ Tự mặc quần áo (áo phông và quần chun) + Thực hiện một số kĩ năng tự phục vụ khác như: đi giày, cởi giày; Tự cầm cốc uống nước;
2	Ngôn ngữ	+ T nói được một số từ về chủ đề gia đình, con vật nuôi, đồ vật... + Bắt chước âm thanh của một số con vật như: con mèo, con gà, con chó... + T tự nói được nhu cầu của cá nhân như: muốn uống nước, đi vệ sinh
3	Nhận thức	+ T có thể nhận biết và phân biệt hình ảnh lô tô theo chủ đề Có thể hiểu được ý nghĩa của từ với vật thật hoặc hình ảnh + Nhận biết và phân biệt được các màu cơ bản như: vàng, đỏ, xanh + Nhận biết, phân biệt được hình dáng, kích cỡ
4	Vận động	+ Tung ném bóng vào rổ; Các động tác thể dục vận động theo nhạc, bước qua chướng ngại vật... + Nhảy hai chân cùng chạm đất; nhảy qua dây cao khoảng 15-20 PH; nhảy lò cò bằng một chân + Biết bắt chước sử dụng ngón tay thành thạo, khéo léo trong hoạt động xâu hạt, ghép hoa, xếp hình, ghép hình, cầm bút vẽ
5	Hành vi/Cảm giác	+ Hạn chế việc T hay nhìn theo các đường thẳng một cách rất chăm chú hoặc nhìn ngón tay chăm chăm

Kết quả TN (xem *bảng 5*):

*Bảng 5. Kết quả đánh giá lại sự phát triển của trẻ*

Lĩnh vực phát triển	Trước khi thực hiện IEP			Sau khi thực hiện IEP		
	Điểm	DA	DQ	Điểm	DA	DQ
Tư thế - Vận động	84	36	100	74	31	100
Nhận thức - thích ứng	192	26	72,2	157	21	67,7
Ngôn ngữ - xã hội	42	21	58,3	32	17	53,1
Tổng 3 lĩnh vực	318	25	69,5	263	21	67,7

Kết quả TN từ 2 trường hợp trên cho thấy, việc xây dựng và tổ chức thực hiện KHGDCN cho TTK bước đầu là phù hợp. Cả 2 trường hợp nghiên cứu đều thể hiện những tiến bộ nhất định ở mọi lĩnh vực phát triển. Nhờ kết quả đánh giá của nhà tâm lí và các nhà trị liệu, việc lập chương trình GD cá nhân cho trẻ đã bám sát được mức độ, khả năng thực tế của trẻ cũng như đưa ra được các mục tiêu GD nằm trong vùng phát triển gần của trẻ; từ đó giúp GV có các mục tiêu phù hợp với khả năng từng trẻ để giúp trẻ tiến bộ trong các lĩnh vực phát triển khác. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Nữ Tâm An (2010). *Giáo dục trẻ có rối loạn phổ tự kỉ*. Tài liệu bài giảng.
- [2] Hozumi Araki (2011). *Giáo dục trẻ tự kỉ*. Tài liệu bài giảng. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [3] Phạm Minh Mục - Vương Hồng Tâm - Nguyễn Thị Kim Hoa (2012). *Cẩm nang xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt*. Ebook.tailieu.vinhuni.edu.vn
- [4] Đỗ Thị Thảo (2010). *Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ có nhu cầu đặc biệt*. Tài liệu bài giảng. NXB Đại học Sư phạm
- [5] Nguyễn Thị Hoàng Yến (2013). *Tự kỉ - Những vấn đề lí luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.

## Phát triển năng lực dạy học...

(Tiếp theo trang 39)

vai trò tổ chức, hướng dẫn SV học tập; SV tự giác nỗ lực phấn đấu, rèn luyện không ngừng trong quá trình học tập, nhằm tích lũy kiến thức chuyên môn sâu, rộng, NL sư phạm vững vàng và đạo đức nghề nghiệp trong sáng. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- [2] Hoàng Phê (chủ biên) (2007). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- [3] Bộ GD-ĐT (2015). *Tài liệu Hội thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể trong chương trình giáo dục phổ thông mới*.
- [4] Phan Ngọc Liên (chủ biên) - Trịnh Đình Tùng - Nguyễn Thị Côi (2010). *Phương pháp dạy học lịch sử* (tập 2). NXB Đại học Sư phạm.
- [5] Nguyễn Thị Côi (2011). *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử ở trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.